

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mã Hồng Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Đức Thiện
2. Bà Nông Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa:** Ông Bế Thanh Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QDDST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bế Đăng C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Thạch An

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Thành T – Chức vụ Phó Giám đốc chi nhánh huyện Thạch An

Có mặt

- Bị đơn: Triệu Văn Th

Trú tại: Xóm N, xã Tr, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Vắng mặt không có lý do

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nông Thị L

Trú tại: Xóm N, xã Tr, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2023, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 06/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của nguyên đơn trình bày: Được sự uỷ quyền của bà Nông Thị L tại Hợp đồng uỷ quyền ngày 19/09/2019, ngày 19/09/2019 anh Triệu Văn Th đã ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Thạch An, Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 8310LAV201900870. Hạn mức cho vay là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho anh Th 02 lần, cụ thể:

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 19/09/2019, số tiền cho vay: 50.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 10,5%/năm. Phương thức trả nợ gốc: 12 tháng 1 kỳ (Mỗi kỳ: 10.000.000 đ), phương thức trả lãi: 12 tháng 1 kỳ. Khoản vay quá hạn từ ngày 19/9/2022.

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 30/09/2020. Số tiền cho vay: 15.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 12%/năm. Phương thức trả nợ gốc: 12 tháng 1 kỳ (Mỗi kỳ: 3.000.000đ), phương thức trả lãi: 12 tháng 1 kỳ. Khoản vay quá hạn từ ngày 30/9/2022.

Khoản vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Anh Th đã nộp cho Ngân hàng 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 456326 do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006.

Hiện nay khoản nợ của anh Th đã chuyển nợ quá hạn lâu ngày nhưng anh Th không thực hiện cam kết trả nợ, không phối hợp với ngân hàng để xử lý nợ. Tính đến ngày 09/5/2023, anh Th còn nợ ngân hàng tổng số tiền 49.508.022đ (bốn mươi chín triệu năm trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là: 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và nợ lãi là 7.508.022đ (Bảy triệu năm trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

Nay đề nghị Tòa giải quyết buộc anh Triệu Văn Th và mẹ là bà Nông Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Sau ngày xét xử sơ thẩm anh Triệu

Văn Th và mẹ là bà Nông Thị L phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Agribank chi nhánh huyện Thạch An.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/7/2023, anh Triệu Văn Th khai: Anh Th xác nhận về việc ký Hợp đồng tín dụng như nội dung đơn khởi kiện. Anh đã được Ngân hàng giải ngân 02 lần, lần thứ nhất 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lần thứ hai 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tổng số tiền đã vay là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Khoản vay 15.000.000đ trả được nợ gốc là 3.000.000đ còn nợ 12.000.000đ, khoản vay 50.000.000đ đã trả được gốc 20.000.000đ còn 30.000.000đ. Anh Th cũng đã trả lãi nhưng không biết số tiền chính xác, vì anh nhờ mẹ là bà Nông Thị L đi nộp tiền cho Ngân hàng. Hiện nay, số nợ gốc còn lại là 42.000.000đ và lãi. Anh Th xác định anh là người trực tiếp sử dụng khoản tiền vay nên sẽ tự chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho ngân hàng. Anh Th xác nhận đã nộp cho Ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006. Tài sản này khi ly hôn anh và vợ là chị Triệu Thị T chưa chia mà để tự thoả thuận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2023, bà Nông Thị L khai: Bà L trực tiếp đến Ngân hàng A chi nhánh Thạch An để ký Hợp đồng và Phương án sử dụng vốn. Tuy nhiên, bà L không nhất trí liên đới trả nợ cho Ngân hàng do khi ký kết hợp đồng bà L đã nói nếu anh Th không trả được bà cũng không có trách nhiệm trả, cán bộ tín dụng đã nhất trí và nói sẽ có biện pháp để bà L không phải chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2023 chị Triệu Thị T khai: Chị T và anh Th là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 06 ngày 05/3/2020 của Toà án nhân dân huyện Thạch An, khi ly hôn không yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất mà để lại cho anh Th để nuôi con. Quyền sử dụng của các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006 mặc dù chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng hiện nay thuộc quyền sử dụng của anh Th, không liên quan đến chị nữa. Khi anh Th vay tiền chị không ở nhà, không biết về khoản vay, không được sử dụng số tiền vay nên đây là khoản nợ riêng của anh Th. Do đó, chị T không chịu trách nhiệm trả nợ và đề nghị Toà án không triệu tập chị tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên toà, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi anh Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu anh Th trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 52.109.952đ (Năm mươi hai triệu một trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), cụ thể:

STT	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Dư nợ	Ngày quá hạn	Dư nợ gốc quá hạn	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
1	50.000.000	19/9/2019	30.000.000	371	20.000.000	6.315.912	610.529
2	15.000.000	30/9/2020	12.000.000	360	3.000.000	2.975.264	208.248
Tổng	65.000.000		42.000.000		23.000.000	9.291.176	818.776

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận định:

### I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại điều 48, 195, 196, 198, 203 BLTTDS năm 2015; Xác định tư cách tố tụng, giao nhận văn bản tố tụng, hồ sơ vụ án thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, được quy định tại điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

### II. Về việc giải quyết vụ án

Hợp đồng tín dụng số 8310LAV201900870 ngày 19/9/2019 giữa Ngân hàng A chi nhánh huyện Thạch An và ông Triệu Văn Th tuân thủ quy định về hình thức, nội dung và có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần, nhiều kỳ không trả gốc và lãi cho ngân hàng. Do đó, ngân hàng yêu cầu bên vay trả nợ gốc 42.000.000đ, yêu cầu tính lãi trong hạn là 9.291.176đ, lãi quá hạn 818.776đ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP; Án lệ 08/2016/AL; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh Th và bà L phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thạch An số tiền 52.109.952đ (Năm mươi hai triệu một trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng). Từ ngày 30/9/2023, bên vay còn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh Nhân tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Anh Triệu Văn Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã Tr, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân huyện Thạch An thụ lý vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Triệu Văn Th đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Nông Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Chị Triệu Thị T được Tòa án xác định là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án do trong quá trình thực hiện Hợp đồng anh Th đã nộp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006. Qua việc lấy lời khai của chị T cho thấy: Hợp đồng tín dụng ký trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh Th nhưng do mình anh Th thực hiện và sử dụng số tiền vay, chị T không biết về Hợp đồng cũng như không được sử dụng số tiền vay. Các bên đương sự cùng thống nhất khoản vay không liên quan đến chị T. Đối với quyền sử dụng đất, chị T khẳng định hiện nay thuộc quyền sử dụng của anh Th. Đồng thời chị T đề nghị Tòa án không triệu tập chị tham gia tố tụng. Như vậy, Hợp đồng tín dụng cũng như quyền sử dụng đất được các bên thống nhất không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của chị Triệu Thị T. Do đó, Tòa án không triệu tập chị T tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Yêu cầu trả tiền nợ gốc 42.000.000đ:

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất về quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng và không có tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng số 8310LAV201900870 ký ngày 19/9/2019 giữa Ngân hàng A chi nhánh Thạch An và anh Triệu Văn Th. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ được các bên cùng xác nhận, cụ thể như sau:

STT	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Trả gốc	Trả lãi	Dư nợ
1	50.000.000	19/9/2019	20.000.000	9.429.876	30.000.000
2	15.000.000	30/9/2020	3.000.000	1.763.409	12.000.000

Tổng	65.000.000		23.000.000	11.193.285	42.000.000
------	------------	--	------------	------------	------------

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nói trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và các quy định về cho vay tài sản của Bộ luật dân sự. Do đó, xác định hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Theo Hợp đồng tín dụng số tiền bên vay được giải ngân là 65.000.000đ, anh Th đã trả được số tiền gốc là 23.000.000đ, số tiền gốc còn lại anh Th phải trả cho Ngân hàng là 42.000.000đ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bên vay trả số tiền gốc 42.000.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Trong quá trình giao kết hợp đồng, các bên đã tự nguyện thoả thuận về lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả. Thoả thuận của các bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật tổ chức tín dụng và các quy định về lãi tài sản của Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Th đã trả một phần lãi. Do hợp đồng các bên thoả thuận trả gốc theo kỳ, nên trong tổng số nợ gốc, một phần tính lãi trong hạn, một phần tính lãi quá hạn theo bảng tính của Ngân hàng cung cấp là phù hợp. Tính đến ngày 29/9/2023, nợ lãi xác định được như sau:

STT	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Dư nợ	Ngày quá hạn	Dư nợ gốc quá hạn	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
1	50.000.000	19/9/2019	30.000.000	371	20.000.000	6.315.912	610.529
2	15.000.000	30/9/2020	12.000.000	360	3.000.000	2.975.264	208.248
Tổng	65.000.000		42.000.000		23.000.000	9.291.176	818.776

Do đó, yêu cầu buộc bên vay phải chịu lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền vay là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về người chịu trách nhiệm trả nợ:

Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng A và anh Triệu Văn Th. Trong hồ sơ vay vốn có Hợp đồng uỷ quyền của bà Nông Thị L, Phương án sử dụng vốn tại mục “Thành viên trong hộ gia đình, người uỷ quyền (từ đủ 15 tuổi trở lên) cam kết cùng trả nợ” thể hiện họ và tên, chữ ký của bà L. Bà L cũng xác nhận bà tự mình ký vào các văn bản nêu trên. Bà L cho rằng khi ký hợp đồng, bà L đã nói nếu anh Th không trả được bà cũng không có trách nhiệm trả, cán bộ tín dụng đã nhất trí và nói sẽ có biện pháp để bà L không phải chịu trách nhiệm trả nợ nhưng chỉ là lời khai một phía của bà L, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Việc bà L cho rằng chỉ ký mà không chịu trách nhiệm liên đới, không phù hợp với quy định, quy chế cho

vay của Ngân hàng. Vì vậy, đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản vay là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th nhất trí trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, do anh chưa có khả năng thanh toán nên chưa thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Anh Th khẳng định toàn bộ số tiền vay anh là người trực tiếp sử dụng nên nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 8310LAV201900870 anh sẽ là người chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, từ khi khoản nợ chuyển nợ quá hạn đến nay anh Th đã cam kết trả nợ nhiều lần nhưng đều không thực hiện. Trách nhiệm liên đới của bà L đã được các bên thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng. Vì vậy, đề nghị của anh Th và bà L không được chấp nhận

[2.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên vay còn phải chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.5] Phương thức và thời gian trả nợ: Các đương sự không thống nhất được phương thức và thời gian trả nợ, do đó xác định nội dung này không thỏa thuận được. Việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ sẽ thực hiện theo quy định về thi hành án dân sự.

[3] Về biện pháp bảo đảm tiền vay: Khoản vay không có tài sản bảo đảm theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018. Anh Th đã nộp cho Ngân hàng 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Toà án đã lấy lời khai của chị Triệu Thị T, chị T khẳng định quyền sử dụng của các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006 mặc dù chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng hiện nay thuộc quyền sử dụng của anh Th, không liên quan đến chị nữa. Do đó, chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoản 3 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP quy định: “...*Khách hàng chỉ được sử dụng giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tại một tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng giấy xác nhận trên để vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định này*”. Như vậy, mục đích của việc nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo anh Th chỉ sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại một tổ chức tín dụng. Do anh Th chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi anh Th thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn:

1. Buộc anh Triệu Văn Th và bà Nông Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng A chi nhánh Thạch An theo Hợp đồng tín dụng số 8310LAV201900870 ngày 19/9/2019 tổng số tiền là **52.109.952đ** (Năm mươi hai triệu một trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 10.109.952đ (Mười triệu một trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, anh Th, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn trên số nợ gốc, lãi chậm trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ngân hàng A chi nhánh Thạch An tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 4563xx do Ủy ban nhân dân huyện Thạch An cấp cho hộ ông Triệu Văn Th, bà Triệu Thị T ngày 23/11/2006, cho đến khi bên vay thực hiện xong nghĩa



vụ trả nợ. Khi bên vay thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A chi nhánh Thạch An phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Th.

3. Về án phí: Anh Triệu Văn Th và bà Nông Thị L cùng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.605.497đ (Hai triệu sáu trăm linh năm nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thạch An số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí tòa án số 0001038 ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND H. Thạch An;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS H. Thạch An;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mã Hồng Nhung**